

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB:

CHỦ ĐỀ 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á

1. Quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa;
2. Những nét chính về công cuộc cải cách ở Xiêm. Vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

1. Tóm tắt nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á Hải Đảo và Đông Nam Á lục địa?
2. Nêu các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.
3. Nêu ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các nước Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng.
4. Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á

CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (Trước cách mạng tháng Tám năm 1945)

Bài 7. Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

1. Nêu vị trí chiến lược của Việt Nam. Phân tích vai trò và ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?
2. Trình bày nội dung chính của các cuộc kháng chiến sau: Chống quân Nam Hán (938); Chống quân Tống (981); Chống quân Tống (1075 – 1077); Ba lần chống quân Mông – Nguyên (1258 – 1288); Chống quân Xiêm (1785); Chống quân Thanh (1789)
3. Nêu nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam.
4. Trình bày nội dung chính của cuộc kháng chiến chống quân Triệu Đà thế kỉ II TCN.
5. Trình bày nội dung chính của cuộc kháng chiến chống quân Minh (đầu thế kỉ XV).
6. Trình bày nội dung chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (nửa cuối thế kỉ XIX).
7. Giải thích nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử dân tộc.
8. Trên cơ sở kiến thức đã học, rút ra bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Những bài học lịch sử đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (Từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

1. Trình bày nội dung chính và nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
2. Trình bày nội dung chính và nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.
3. Trình bày nội dung chính và nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.
4. Trình bày nội dung chính và nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (cuối thế kỉ VIII).
5. Trình bày bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).

6. Trình bày bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và nêu ý nghĩa của phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII
7. Rút ra bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam. Nêu những giá trị bài học đó đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

CHỦ ĐỀ 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

(trước năm 1858)

Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV)

1. Nêu bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
2. Trình bày các nội dung cải cách của Hồ Quý Ly về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa
3. Rút ra kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly. Theo em, những bài học nào có thể rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.

Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (Thế kỉ XV)

1. Nêu bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông
2. Trình bày các nội dung cải cách của Lê Thánh Tông về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa
3. Kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông. Những kinh nghiệm hoặc bài học nào có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)

1. Trình bày bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Minh Mạng.
2. Trình bày những cải cách của Minh Mạng đối với bộ máy chính quyền Trung ương và địa phương.
3. Trình bày kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách Minh Mạng.

CHỦ ĐỀ 6. LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông

1. Vì sao Biển Đông được coi là tuyến giao thông đường biển huyết mạch.
2. Giải thích tầm quan trọng chiến lược về kinh tế và chính trị - an ninh của Biển Đông.
3. Giải thích tầm quan trọng chiến lược của các vịnh và quần đảo của Việt Nam.

B. LUYỆN TẬP

PHẦN: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình chính trị ở Đại Việt vào cuối thế kỉ XIV?

- A. Tầng lớp quý tộc Trần cũng suy thoái, không còn giữ kỉ cương, phép nước.
- B. Vua, quan lại sa vào ăn chơi, hưởng lạc, không quan tâm việc triều chính.
- C. Nhà Minh gây sức ép, hặc sách đòi cống nạp, đe dọa xâm lược Đại Việt.
- D. Đại Việt và Chăm-pa duy trì mối quan hệ ngoại giao hòa hảo, tốt đẹp.

Câu 2: Cuối năm 1397, Hồ Quý Ly ép vua Trần rời đô từ Thăng Long về

- A. Phong Châu (Phú Thọ).
- B. Tây Đô (Thanh Hóa).
- C. Phú Xuân (Huế).
- D. Thiên Trường (Nam Định).

Câu 3. Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của chiến thắng trên sông Bạch năm 938?

- A. Mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc
- B. Để lại bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh sau này.
- C. Thể hiện ý chí đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta.

D. Đập tan âm mưu xâm lược Đại Việt của quân Nam Hán.

Câu 4: Ngô Quyền đã lựa chọn địa điểm nào làm trận địa chống quân Nam Hán xâm lược (năm 938)?

A. Cửa sông Tô Lịch.

B. Cửa sông Bạch Đằng.

C. Hoan Châu (Nghệ An).

D. Đường Lâm (Hà Nội).

Câu 5: Năm 40, Hai Bà Trưng đã lãnh đạo người Việt nổi dậy chống lại ách cai trị của

A. nhà Hán.

B. nhà Ngô.

C. nhà Lương.

D. nhà Đường.

Câu 6: Người lãnh đạo tối cao của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) là

A. Lê Lợi.

B. Lê Hoàn.

C. Nguyễn Huệ.

D. Nguyễn Nhạc.

Câu 7: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất làm bổng lộc cho quý tộc, quan lại cao cấp từ tứ phẩm trở lên được gọi là

A. quân điền.

B. lộc điền.

C. phúc điền.

D. thọ điền.

Câu 8: Câu đồ dân gian dưới đây đề cập đến anh hùng dân tộc nào?

“Được tin cấp báo, hỏi ai

Đưa quân ra Bắc diệt loài xâm lăng

Ngọc Hồi khí thế thêm hăng

Mùa xuân chiến thắng dựng bằng uy danh Bạt hồn tướng tá Mãn Thanh Nghìn

năm văn hiến, sử xanh còn truyền?”

A. Nguyễn Huệ.

B. Trần Bình Trọng.

C. Bùi Thị Xuân.

D. Trần Quốc Toản.

Câu 9: Bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội của Đại Việt vào giữa thế kỉ XV đã đặt ra yêu cầu tiến hành cải cách nhằm

A. nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

B. tăng cường tiềm lực đất nước để đánh bại giặc Minh xâm lược.

C. tăng cường quyền lực của hoàng đế và nâng cao vị thế đất nước.

D. tăng cường sức mạnh để chống lại cuộc tấn công của Chăm-pa.

Câu 10: Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật là

A. gia tăng hình phạt đối với người phạm tội là trẻ nhỏ hoặc người tàn tật.

B. đề cao tuyệt đối địa vị của nam giới, phụ nữ không có quyền lợi gì.

C. bảo vệ những người yếu thế trong xã hội (phụ nữ, trẻ em, người tàn tật,...)

D. xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc tuổi còn nhỏ.

Câu 11: Năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu để

A. ghi chép lại chính sử của đất nước.

B. quy định chế độ thi cử của nhà nước.

C. tôn vinh những người đỗ tiến sĩ trở lên.

D. ca ngợi công lao của các vị vua.

Câu 12: Từ những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN chuyển sang thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng tới xuất khẩu vì lí do nào sau đây?

A. Muốn khắc phục hạn chế của chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

B. Muốn hạn chế sự phụ thuộc vào vốn đầu tư và thị trường bên ngoài.

C. Muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài tới khu vực.

D. Muốn cải thiện mối quan hệ giữa tổ chức ASEAN với các nước Đông Dương.

Câu 13: Để ngăn chặn tình trạng quan lại cấu kết bè phái ở địa phương, vua Minh Mạng đã ban hành nhiều lệnh, dụ quy định về

A. chế độ quân điền.

B. chế độ lộc điền.

C. chế độ Hôi ty.

D. chế độ bổng lộc.

Câu 14: Vua Minh Mạng cũng thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua hoạt động của

A. Nội các và Lục bộ.

B. Cơ mật viện và Lục tự.

C. Đô sát viện và Lục khoa.

D. Cơ mật viện và Đô sát viện.

Câu 15: Điểm khác nhau về biện pháp cải cách hành chính của vua Minh Mạng với cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông là gì?

A. Không tập trung quá nhiều quyền hành vào một cơ quan.

B. Các cơ quan giám sát, kiểm soát lẫn nhau để loại trừ sự lạm quyền.

C. Lập Cơ mật viện làm cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề trọng đại.

D. Bỏ bớt một số chức quan, cơ quan và cấp chính quyền trung gian.

Câu 16: Ông được coi là vị vua “*sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược*” (Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập II, Sđd, tr.387). Ông là ai?

A. Minh Mạng.

B. Lê Thánh Tông.

C. Hồ Quý Ly.

D. Tự Đức.

Câu 17: Ở In-đô-nê-xi-a, từ cuối thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô. B. Hoàng thân Si-vô-tha. C. Đa-ga-hô. D. A-cha-xoa.

Câu 18: Trong nhiều thế kỉ, lãnh thổ Việt Nam thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài do Việt Nam có

A. vị trí địa lí chiến lược.

B. trình độ dân trí thấp.

C. nền văn hóa lạc hậu.

D. nền kinh tế lạc hậu.

Câu 19: Lý Thường Kiệt chọn khúc sông Như Nguyệt làm phòng tuyến chặn quân Tống xâm lược vì dòng sông này

A. nằm ở ven biển có thể chặn giặc từ biển vào.

B. là biên giới tự nhiên ngăn cách Đại Việt và Tống.

C. chặn ngang con đường bộ để tiến vào Thăng Long.

D. là con đường thủy duy nhất để tiến vào Đại Việt.

Câu 20: Nguyên nhân chủ quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

A. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.

B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.

C. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.

D. Quân giặc không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt.

Câu 21: Việc những người phụ nữ như: Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh,.. lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa lớn nhằm giành lại nền độc lập, tự chủ đã cho thấy

A. vai trò, vị trí quan trọng và nổi bật của phụ nữ trong xã hội đương thời.

B. sự áp đảo và thắng lợi của chế độ mẫu quyền trước chế độ phụ quyền.

C. nam giới không có vai trò, vị trí gì trong đời sống chính trị đương thời.

D. vai trò quyết định của người phụ nữ trong đời sống chính trị đương thời.

Câu 22: Có nhiều nguyên nhân thúc đẩy thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo, **ngoại trừ** việc khu vực này

A. có nguồn hương liệu và hàng hóa phong phú.

B. có nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.

C. là địa điểm bắt đầu của “con đường tơ lụa trên biển”.

D. nằm trên tuyến đường biển nối liền phương Đông và phương Tây.

Câu 23: Quốc gia Đông Nam Á nào tuyên bố độc lập 1945?

A. Việt Nam. B. Cam-pu-chia.

C. Ma-lai-xi-a.

D. Bru-nay

Câu 24: Điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 là gì?

A. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.

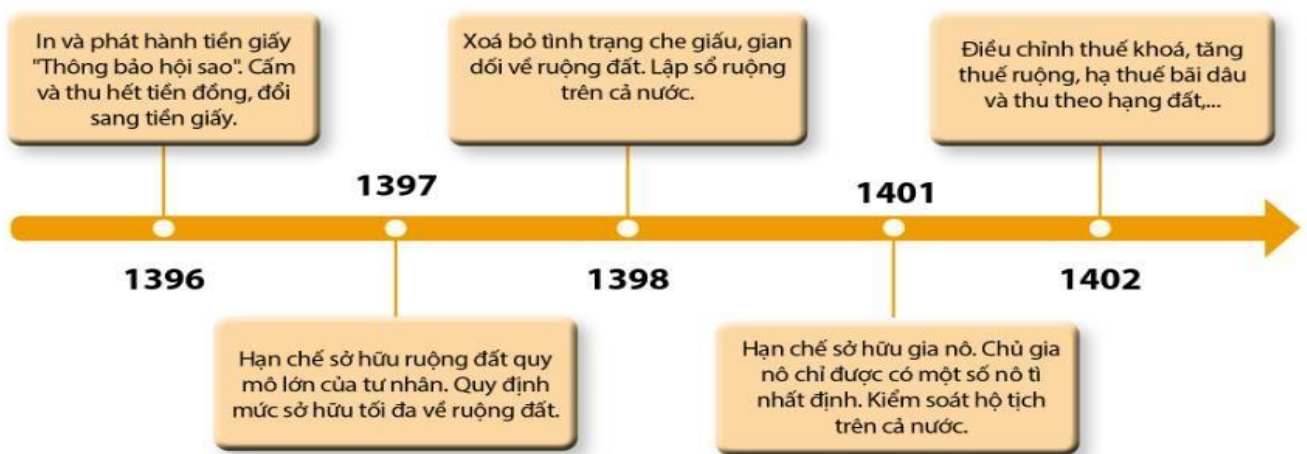
B. Phong trào theo ý thức hệ phong kiến thay thế phong trào theo khuynh hướng tư sản.

C. Tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản trong phong trào yêu nước.

D. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a). b). c). d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Cho sơ đồ tiến trình cải cách về kinh tế, xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ



a. Hồ Quý Ly đã tiến hành tăng các loại thuế để tăng ngân sách nhà nước.

b. Chính sách hạn điền nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất.

c. Hồ Quý Ly là vị vua cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

d. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly giải phóng tất cả các nô tì trong xã hội đương thời.

Câu 2. Đọc đoạn trích sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau. Chức trọng, chức khinh cùng kiểm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy là khó lay”.

(Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử kí toàn thư, Tập II, Sdd, tr.454).

a. Là một kết quả của biện pháp cải cách bộ máy hành chính dưới thời Lê Thánh Tông.

b. Các cơ quan kiểm soát quyền lực lẫn nhau, tăng cường và ràng buộc về trách nhiệm.

c. Cuộc cải cách làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển hưng thịnh.

d. Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến nguy cơ cát cứ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa là nghi lễ “cúng thế lính” xưa của nhân dân các làng An Hải, An Vĩnh và các tộc họ trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) để cầu bình an cho người lính Hoàng Sa trước khi lên đường

làm nhiệm vụ. Đây là một lễ thức dân gian được các tộc họ trên đảo Lý Sơn tổ chức vào khoảng tháng 2 và tháng 3 âm lịch hàng năm.

Hàng trăm năm trước, những người con ưu tú của quê hương Lý Sơn, tuân thủ lệnh vua đi ra Hoàng Sa, Trường Sa đo đạc hải trình, cắm mốc chủ quyền, khai thác sản vật.

Nhiều người ra đi không trở về, thân xác họ đã hòa mình vào biển cả mênh mông.

Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa trở thành một phong tục đẹp, một dấu ấn văn hóa tâm linh trong đời sống của các thế hệ người dân đảo Lý Sơn. Nghi lễ mang đậm tính nhân văn này đã được bảo tồn, duy trì suốt hơn 400 năm qua; tới Năm 2013, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- a.** Tri ân công lao thế hệ đi trước trong việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo.
- b.** Tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.
- c.** Gìn giữ giá trị lịch sử để nhân dân Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- d.** Là nghi lễ mang đậm tính nhân văn và là di sản văn hóa vật thể của quốc gia.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây

Sông Bạch Đằng có vị trí địa lý quan trọng, là cửa ngõ chiến lược của Việt Nam với biển Đông. Đây được xem là con đường thủy chủ chốt để đi theo hướng biển vào Đồng bằng Bắc Bộ và Thăng Long xưa, từ cửa Nam Triệu qua các sông Kinh Thầy, sông Đuống và sông Hồng. Chính vì vậy, trong nhiều cuộc xâm lược, các triều đại phương Bắc đã chọn sông Bạch Đằng là đường thủy tiến quân vào lãnh thổ nước ta. Trong lịch sử đã diễn ra ba trận thủy chiến lẫy lừng của quân dân nước Việt chống ngoại xâm.

(Nguồn Internet_ Báo Tuyên Quang_ Bạch Đằng Giang- Hào khí ngàn năm)

- a.** Sông Bạch Đằng là tuyến đường duy nhất để tiến vào kinh thành Thăng Long
- b.** Các triều đại phương Bắc xâm lược Việt Nam đều tiến vào theo đường sông Bạch Đằng
- c.** Sông Bạch Đằng là cửa ngõ chiến lược quan trọng của Việt Nam ở vùng Đông Bắc.
- d.** Trong lịch sử đã từng xảy ra ba trận quyết chiến lừng danh trên sông Bạch Đằng.

PHẦN II. TỰ LUẬN

1. Tóm tắt nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.
2. Phân tích vai trò và ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.
3. Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam.
4. Nêu giá trị các bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
5. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông diễn ra trong bối cảnh như thế nào? Nội dung cụ thể là gì?
6. Cuộc cải cách của Minh Mạng diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung cụ thể là gì? Kết quả, ý nghĩa ra sao?
7. Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.
8. Chứng minh: “Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử”.

-----HẾT-----